

Bản án số:11/2021/HNPT
Ngày: 10- 5-2021
V/v: “*Tranh chấp chia tài sản
chung sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

- *Các Thẩm phán:* Bà: Trương Thị Liên

Bà: Lê Thị Minh Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Anh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*

Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLPT- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ - ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2021/QĐPT- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phan Văn K** – sinh năm 1956.

Cư trú tại: Khu vực 2, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trần Thị P** - sinh năm 1956.

Cư trú tại: Khu vực 2, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Phan Kiến P** – sinh năm 1981.

Cư trú tại: Khu vực 2, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Nơi ở: khóm 4, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

2/ Chị **Phan Thị Mai H** – sinh năm 1983.

Cư trú tại: Khu vực T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị P** - sinh năm 1956.

Cư trú tại: Khu vực 2, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

3/ Anh **Phan Kiến Đ** – sinh năm 1984.

Cư trú tại: Ấp L, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị P** - sinh năm 1956.

Cư trú tại: Khu vực 2, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

4/ Anh **Phan Kiến T** – sinh năm 1987.

Cư trú tại: Khu vực 2, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn K trình bày và yêu cầu:

Ông và bà Trần Thị P chung sống với nhau từ năm 1980 nhưng hạnh phúc không đạt được như mong muốn nên đã ly hôn vào năm 2019. Khi ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản và để hai bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên từ đó đến nay ông bà không thỏa thuận giải quyết tài sản chung được nên ông khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của ông bà có trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể như sau:

Số tiền 800.000.000đ là tiền dành dụm của ông bà khi còn chung sống mà có được.

Số tiền 994.000.000đ là tiền nhận bồi thường đất trong dự án xây dựng đường dẫn Cầu Vàm Cống.

Quyền sử dụng đất tại thửa 1473, 1474, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 000705 cấp ngày 08/11/1997;

Quyền sử dụng đất tại thửa 388 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H00315 cấp ngày 17/7/2006;

Quyền sử dụng đất tại thửa 383, 384, 387 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 000576 cấp ngày 18/10/2001;

Các thửa đất nêu trên tọa lạc tại xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều do ông Phan Văn K đại diện hộ gia đình đứng tên.

Nay ông yêu cầu được chia tài sản chung là hai thửa đất 387 và thửa 388; thửa 387 theo đo đạc thực tế có diện tích là 2.559,1m² ông yêu cầu được nhận 1.303,3m²; và thửa 388 có diện tích là 2.508,5m², ông yêu cầu được nhận 1.195,5m². Còn lại các thửa đất khác và các tài sản khác ông không yêu cầu chia.

Bị đơn bà Trần Thị P thì khi Tòa án thụ lý giải quyết đã triệu tập bà nhiều lần nhưng bà vẫn vắng mặt mà không báo lý do cho Tòa án biết, nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục xét xử vắng mặt bà P.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con chung của ông K và bà P gồm: Phan Kiến T, Phan Kiến P, Phan Thị Mai H và Phan Kiến Đ thống nhất trình bày: hai thửa đất 387 và 388 là tài sản chung của hộ gia đình nên không đồng ý chia theo yêu cầu khởi kiện của ông K, mà muốn giữ lại các thửa đất này để con cháu sau này có đất sử dụng.

Tại bản án số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã xét xử và Quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định thửa 387 tờ bản đồ số 03, số vào sổ cấp quyền sử dụng đất 000576 đất tọa lạc tại xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 18/10/2001; Và thửa đất 388 số vào sổ cấp quyền sử dụng đất H00315 đất tọa lạc tại xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh cấp ngày 17/7/2006 do ông Phan Văn K đại diện hộ gia đình đứng tên là tài sản chung của ông Phan Văn K và bà Trần Thị P.

Công nhận cho ông Phan Văn K được quyền sử dụng diện tích đất tại thửa 387 là 1.303,3m² (ký hiệu D) và diện tích tại thửa 388 là 1.195,5m² (ký hiệu B). Riêng phần diện tích đất còn lại thuộc thửa 387, 388 (ký hiệu A, C) thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị P. (có bản trích đo địa chính số 102 kèm theo).

Vị trí kích thước và hình thể được thể hiện tại bản trích đo địa chính số 102/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố Cần Thơ đo vẽ ngày 04/9/2020.

Các đương sự liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, chi phí phát sinh khi làm thủ tục cấp giấy do các đương sự tự chịu.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 000576 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 18/10/2001 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H00315 được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh cấp ngày 17/7/2006 cho ông Phan Văn K đại diện hộ gia đình đứng tên.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: ông Phan Văn K tự nguyện nộp số tiền 6.633.000đ (công nhận ông đã nộp xong).

Về án phí sơ thẩm: Miễn cho các đương sự do là người cao tuổi theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, nên ông K và bà P không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền – thời hạn kháng cáo và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 12 tháng 02 năm 2021 bị đơn bà Trần Thị P có đơn kháng cáo với nội dung: hai thửa đất nguyên đơn yêu cầu chia không phải là tài sản chung của bà và nguyên đơn, mà là tài sản chung của hộ gia đình, nên không thể lấy tài sản thuộc sở hữu chung cho là tài sản của cá nhân để chia. Do vậy bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 06 tháng 02 năm 2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Kiến T có đơn kháng cáo với nội dung: ông yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử với sự có mặt tất cả các thành viên trong gia đình, vì phần đất đang tranh chấp là tài sản của hộ gia đình chứ không phải là tài sản chung sau ly hôn của ông K và bà P.

Ngày 13 tháng 02 năm 2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Kiến Đ có đơn kháng cáo với nội dung: ông yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử với sự có mặt tất cả các thành viên trong gia đình, vì phần đất đang tranh chấp là tài sản của hộ gia đình chứ không phải là tài sản chung sau ly hôn của ông K và bà P.

Ngày 15 tháng 02 năm 2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Kiến P có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm chưa thực hiện đúng thủ tục tố tụng cũng như nội dung khi áp dụng pháp luật giải quyết. Nên ông yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị Mai H có đơn kháng cáo với nội dung: không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc xác định và chia hai thửa đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì đây là tài sản chung của hộ gia đình, bà là người có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình chứ không phải là tài sản chung sau ly hôn của ông K và bà P. Nên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Phan Văn K và bà Trần Thị P trước đây là vợ chồng nhưng do hạnh phúc gia đình không đạt được như mong muốn và không giải quyết được mâu thuẫn nên ông bà đã ly hôn vào năm 2019, khi ly hôn ông bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng mà để tự thỏa thuận. Nhưng từ sau khi ly hôn đến nay ông bà không thể thỏa thuận được với nhau về phân chia tài sản, nên ông K có đơn khởi kiện yêu cầu được chia tài sản chung sau khi ly hôn với bà P. Do các tài sản đang tranh chấp là các phần đất cấp cho hộ gia đình do ông

K là người đại diện hộ đứng tên, nên cấp sơ thẩm đã đưa các con chung của ông bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau nên cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

Sau khi án sơ thẩm xử xong nguyên đơn ông Phan Văn K không có đơn kháng cáo. Bị đơn bà Trần Thị P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Kiến Đ, Phan Kiến T, Phan Thị Mai H và Phan Kiến P không đồng ý với bản án sơ thẩm và cùng có đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong đơn đã nêu và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới. Riêng chị Mai H và anh Kiến Đ có lập tờ ủy quyền cho bà Trần Thị P đại diện tại phiên tòa phúc thẩm, văn bản ủy quyền ngày 06/5/2021. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ủy quyền này và tiến hành xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thực hiện pháp luật Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức. Việc ủy quyền của chị H và anh Đ cho bà P đại diện tham gia phiên tòa phúc thẩm là phù hợp đúng quy định.

Về nội dung kháng cáo: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm về mặt thủ tục do xét xử vắng mặt, nhưng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định, nên không có cơ sở để cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng. Về nội dung thì các kháng cáo có chung nội dung là đất cấp cho hộ, nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ, nhưng về nguồn gốc hình thành tài sản thì qua lời xác nhận của các chủ đất cũ thì khi nhận chuyển nhượng là do ông K bà P trả tiền, không ai khác trong gia đình thực hiện việc trả tiền. Như vậy hai thửa đất này đã hình thành trong thời kỳ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn, mặt khác vào thời điểm này các con của ông bà còn đang đi học và mới ra trường và cũng không chứng minh được là đã có đóng góp vào tài sản này. Nên cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn không phải tài sản chung của hộ gia đình theo quy định tại Điều 118 Bộ luật dân

sự năm 1995 và Điều 108 Bộ luật dân sự năm 2015 (do vậy áp dụng Điều 59 luật hôn nhân gia đình để giải quyết là phù hợp.

Viện kiểm sát đề nghị y án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét kháng cáo của bà P và chị H, anh P, anh Đ, anh T về việc cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt là không đúng quy định thì thấy rằng: Qua các tài liệu thể hiện trong hồ sơ thì cấp sơ thẩm đã làm đầy đủ các thủ tục từ thông báo đến niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án là đảm bảo đúng quy định và thời gian theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Hơn nữa, việc kháng cáo của các đương sự vẫn được đảm bảo. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn không nêu ra được chứng cứ để cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng khi xét xử vắng mặt, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

Xét nội dung kháng cáo của bà P, chị H, anh P, anh Đ và anh T đều có chung một nội dung kháng cáo là hai thửa đất đang tranh chấp là tài sản chung của hộ gia đình, nên không đồng ý chia theo yêu cầu của ông K.

Nhận thấy tài sản chung của ông K và bà P gồm có 6 thửa đất, các đương sự khai thống nhất nhau là do ông K đại diện hộ gia đình đứng tên. Khi ly hôn ông K và bà P không yêu cầu giải quyết phân tài sản, nay ông K yêu cầu chia tài sản chung gồm hai thửa đất 387 diện tích: 2.559,1m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 18.10.2001 và thửa đất 388 diện tích 2.508,5 m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 17.7.2006. Riêng các thửa đất 383 diện tích 2.559 m² và thửa 384 diện tích 5.644 m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2001, cùng hai thửa đất 1473 diện tích 4.020m², thửa 1474 diện tích 3.350 m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997, ông K không yêu cầu chia 4 thửa đất này cùng các tài sản khác. Bị đơn bà P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố và không có yêu cầu độc lập về 4 thửa đất này, đây là quyền tự định đoạt của các đương sự, do vậy Tòa án không đặt ra giải quyết các thửa đất này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

Xét về nguồn gốc hai thửa đất 387, 388 thì các đương sự khai không thống nhất nhau, ông K cho rằng trong khoảng thời gian chung sống ông và bà P đã tạo lập nên hai thửa đất này. Các con ông vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều còn đi học hoặc mới ra trường nên chưa có công sức đóng góp gì vào tài sản này kể cả việc đi làm giấy để cấp cho hộ các con ông cũng không biết, khi phát sinh tranh chấp mới cho rằng đất cấp cho hộ. Phía bà P, chị H, anh P, anh Đ và anh T đều cho rằng hai thửa đất này có công sức đóng góp của anh P là 50%, chị H, anh Đ mỗi người là 10% để sang nhượng thửa đất

này, vào thời điểm này anh T còn nhỏ nên chưa có nhiều công sức đóng góp vào hai thửa đất này. Nhận thấy vào thời điểm ông K nhận chuyển nhượng hai thửa đất 387 và 388 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các con chung của ông bà đồng thời là thành viên trong hộ gia đình, nhưng các anh chị còn trong độ tuổi đi học hoặc vừa tốt nghiệp đại học chưa có thu nhập ổn định. Tại phiên tòa hôm nay bà P cho rằng anh P đóng góp 50%, chị H, anh Đ mỗi người đóng góp 10% vào để mua hai thửa đất nhưng đây chỉ là lời trình bày của một bên đương sự, ông K không thừa nhận là có việc đóng góp này, chị H, anh P, anh Đ cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh về sự đóng góp, tỷ lệ đóng góp và thu nhập của anh chị trong thời điểm đó để đóng góp vào mua hai thửa đất này. Mặt khác, ngoại trừ anh T ra thì các anh chị cũng không trực tiếp canh tác trên phần đất này, anh chị học hành xong đi làm và có gia đình riêng và ổn định cuộc sống của mình. Hơn nữa các anh chị không có yêu cầu độc lập ngay từ đầu về công sức đóng góp vào tài sản này. Mặt khác, hai chủ đất cũ của hai thửa đất này đã xác nhận khi giao dịch chuyển nhượng đất đã nhận tiền và vàng từ ông K bà P. Các con ông bà không có tham gia vào giao dịch này và ngay cả khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng do ông K thực hiện. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định thửa đất 387 và 388 là tài sản chung của ông K bà P, mặc dù là đất cấp cho hộ là có căn cứ.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông K thì yêu cầu của ông chia tài sản chỉ hai thửa đất 388 và 387 là không vượt quá phần tài sản ông và gia đình ông có được. Vì nếu tính tổng số diện tích đất ông đang đại diện hộ đứng tên nếu cho rằng chia đều cho hộ thì phần ông được chia tại hai thửa này vẫn ít hơn nếu cộng cả 6 thửa đất chia đều cho các thành viên. Do vậy quyền lợi của các con ông vẫn không bị thiệt thòi theo yêu cầu khởi kiện của ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên chị H, anh P, anh Đ và anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Riêng bà P được miễn do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Y án sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị P và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Kiến P, Phan Kiến Đ, Phan Kiến T và Phan Thị Mai H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định thửa 387 tờ bản đồ số 03, số vào sổ cấp quyền sử dụng đất 000576 đất tọa lạc tại T, huyện V, thành phố Cần Thơ được UBND huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 18/10/2001; Và thửa đất 388 số vào sổ cấp quyền sử dụng đất H00315 đất tọa lạc tại xã V, huyện T, thành phố Cần Thơ được UBND huyện Vĩnh Thạnh cấp ngày 17/7/2006 do ông Phan Văn K đại diện hộ gia đình đứng tên là tài sản chung của ông Phan Văn K và bà Trần Thị P.

Công nhận cho ông Phan Văn K được quyền sử dụng diện tích đất tại thửa 387 là 1.303,3m² (ký hiệu D) và diện tích tại thửa 388 là 1.195,5m² (ký hiệu B). Riêng phần diện tích đất còn lại thuộc thửa 387, 388 (ký hiệu A, C) thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị P. (có bản trích đo địa chính số 102 kèm theo).

Vị trí kích thước và hình thể được thể hiện tại bản trích đo địa chính số 102/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường thành phố Cần Thơ đo vẽ ngày 04/9/2020.

Các đương sự liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật, chi phí phát sinh khi làm thủ tục cấp giấy do các đương sự tự chịu.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000576 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 18/10/2001 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00315 được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh cấp ngày 17/7/2006 cho ông Phan Văn K đại diện hộ gia đình đứng tên.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: ông Phan Văn K tự nguyện nộp số tiền 6.633.000đ (công nhận ông đã nộp xong).

Về án phí sơ thẩm: Miễn cho các đương sự do là người cao tuổi theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, nên ông K và bà P không phải nộp tiền án phí.

3/Về án phí phúc thẩm: Bà P được miễn án phí phúc thẩm.

Anh Phan Kiến P phải chịu 300.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 002675 ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ sang thành án phí phúc thẩm.

Anh Phan Kiến Đ phải chịu 300.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 002630 ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ sang thành án phí phúc thẩm.

Chị Phan Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 002636 ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ sang thành án phí phúc thẩm.

Anh Phan Kiến T phải chịu 300.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 002632 ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ sang thành án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Q. Thốt Nốt;
- Chi cục THA.DS Q. Thốt Nốt;
- VKSND. Thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Bùi Thị Cẩm Thúy